

**CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH NÔNG SẢN NGỌC
NGUYỄN**

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ KINH DOANH NÔNG SẢN NGỌC NGUYỄN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NGOC NGUYEN COMMERCE AND AGRICULTURE BUSINESS COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0109277377

3. Ngày thành lập: 22/07/2020

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Thôn Đồi 1, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982.499.819

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620(Chính)
2.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
3.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ bán buôn dược phẩm)	4649
4.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
5.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
6.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
7.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
8.	Bán buôn tổng hợp (trừ mặt hàng nhà nước cấm)	4690
9.	Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh	4752
10.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: Vận tải hành khách bằng xe khách nội tỉnh, liên tỉnh; - Cho thuê xe có người lái để vận tải hành khách, hợp đồng chở khách đi tham quan, du lịch hoặc mục đích khác;	4932
11.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (trừ vận tải khí hóa lỏng)	4933
12.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (loại trừ bất động sản)	5210

13.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý mua bán hàng hóa. Môi giới mua bán hàng hóa	4610
14.	Trồng rừng, chăm sóc rừng và ươm giống cây lâm nghiệp	0210
15.	Khai thác gỗ	0220
16.	Khai thác lâm sản khác trừ gỗ	0231
17.	Thu nhặt lâm sản khác trừ gỗ	0232
18.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
19.	Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt) Chi tiết: Vận tải hành khách nội thành, ngoại thành; Vận tải hành khách bằng taxi;	4931
20.	Cho thuê xe có động cơ	7710
21.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Nhà nghỉ; Khách sạn;	5510
22.	Đại lý du lịch Chi tiết: Dịch vụ du lịch trong nước và quốc tế;	7911
23.	Sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản	1080
24.	Chế biến và bảo quản rau quả	1030
25.	Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản	1020
26.	Xay xát và sản xuất bột thô	1061
27.	Sản xuất tinh bột và các sản phẩm từ tinh bột	1062
28.	Nuôi trồng thủy sản nội địa	0322
29.	Bán buôn thực phẩm	4632
30.	Bốc xếp hàng hóa	5224
31.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
32.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động Chi tiết: Nhà hàng, quán ăn, hàng ăn uống;	5610
33.	Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác	1621
34.	Sản xuất bao bì bằng gỗ	1623
35.	Sản xuất sản phẩm khác từ gỗ; sản xuất sản phẩm từ tre, nứa, rom, rạ và vật liệu tết bện	1629
36.	Sản xuất bột giấy, giấy và bìa	1701
37.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	3100
38.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh	4773
39.	Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ	1610
40.	Sản xuất đồ gỗ xây dựng	1622
41.	Xây dựng nhà để ở	4101
42.	Xây dựng nhà không để ở	4102
43.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
44.	Xây dựng công trình đường bộ	4212

45.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
46.	Xây dựng công trình thủy	4291
47.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
48.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
49.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
50.	Trồng cây hàng năm khác	0119
51.	Trồng cây ăn quả	0121
52.	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
53.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
54.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
55.	Bán buôn gạo, lúa mỳ, hạt ngũ cốc khác, bột mỳ	4631

6. Vốn điều lệ: 6.900.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN THỊ NGỌC	Thôn Đồi 1, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	207.000.000	3,000	001173019664	
2	NGUYỄN HỮU MINH	Thôn Đồi Chè, Xã Thanh Bình, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	6.693.000.000	97,000	001082031864	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN THỊ NGỌC

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 20/09/1973

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001173019664

Ngày cấp: 23/04/2019

Nơi cấp: Cục cảnh sát QLHC về TTXH

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Đồi 1, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Đồi 1, Xã Đông Phương Yên, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội